

&&&

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17/5/2022.

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Viết Tâm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

2/. Ông Nguyễn Văn Sơn.

* Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: ông Dương Thanh Hậu, Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 14/2021/TLST-HNGĐ ngày 10/01/2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2022/QĐST-DS ngày 14/4/2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Đinh Thanh P, sinh năm 1978

HKTT: Số 1176/18, ấp T, xã H, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

* *Bị đơn*: Võ Thị T, sinh năm 1976

HKTT: Số 1176/18, ấp T, xã H, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

Chỗ ở hiện nay: ấp Q, xã H, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30/12/2021, nguyên đơn anh Đinh Thanh P trình bày: Vào năm 2018, anh với chị Võ Thị T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, sau đó anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 18/4/2019. Quá trình chung sống, anh chị không có con chung. Sau một thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, anh chị thường xuyên cãi nhau do kinh tế gia đình không ổn định nên

anh chị đã không còn chung sống với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T; về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Võ Thị T trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh P về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P hay ăn nhậu, cờ bạc và có thái độ bạo lực gia đình nên vợ chồng sống chung được 02 năm thì chị về ở với cha mẹ ruột cho đến nay. Chị đồng ý ly hôn với anh P, về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đúng thành phần, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh P và chị T được ly hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Võ Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, chị yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, anh P và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị T nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về hôn nhân: Ngày 18/4/2019 anh P và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy, hôn nhân của anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Anh P cho rằng sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, do tính tình không hợp, anh chị không còn chung sống với nhau từ năm 2020 cho đến nay, anh yêu cầu được ly hôn với chị T. Chị T cho rằng anh chị sống chung được 02 năm thì anh chị không sống chung nữa do anh P không lo lắng cho gia đình và có thái độ bạo lực, chị đồng ý ly hôn với anh P. Thấy rằng: Hôn nhân giữa anh P và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã không còn chung sống với nhau một thời gian nhưng anh chị không có biện pháp hàn gắn tình cảm, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, anh chị đồng ý ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của anh chị.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh P và chị T tự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Anh P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 150.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Như đã nhận định nêu trên, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đinh Thanh P và chị Võ Thị T.

2/. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh Đinh Thanh P và chị Võ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/. Về án phí: Anh Đinh Thanh P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0001567 ngày 10/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Anh P được nhận lại tiền tạm ứng án phí chênh lệch thừa là 150.000 đồng. Chị T không phải chịu án phí.

4/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- UBND xã H, H. KS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thạch Viết Tâm